RÀO CẢN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU THỤ NÔNG SẢN TẠI TỈNH ĐẮK LẮK: KHOẢNG TRỐNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH VÀ MÔ HÌNH ĐỒNG HÀNH TỪ CƠ SỞ

TRƯƠNG THỊ HIỀN LƯƠNG
Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Nhận bài ngày 30/8/2026. Sửa chữa xong 30/9/2026. Duyệt đăng 05/10/2026.

Abstract

This study identifies the social and technical barriers to digital transformation in agricultural product marketing in Dak Lak Province using survey data from 100 production and business entities and relevant secondary sources. The findings indicate that technology adoption among farming households and cooperatives is constrained less by telecommunications infrastructure or individual skills—only 20.0% reported lacking the necessary skills—than by the absence of direct guidance (98.0%) and limited access to practical training, with 74.0% of respondents having never attended a training program. The study proposes a systematic approach combining hands-on training, an institutionalized commune-level digital support network, stronger facilitation by local authorities, and improved logistics infrastructure to promote the sustainable marketing of agricultural products.

Keywords: *Agricultural digital transformation, barriers, Dak Lak Province, digital skills training, e-commerce.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu khách quan, đồng thời đóng vai trò là đòn bẩy chiến lược mang tính quyết định nhằm tái cấu trúc chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu. Việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp minh bạch hóa nguồn gốc xuất xứ sản phẩm mà còn mở rộng không gian thị trường tiêu thụ vượt qua mọi giới hạn địa lý truyền thống, tạo ra những giá trị gia tăng thiết thực cho cộng đồng sản xuất nông nghiệp (Popescu, 2022). Chuyển đổi số không đơn thuần là quá trình áp dụng các giải pháp kỹ thuật thuần túy mà thực chất là một tiến trình biến đổi cấu trúc kinh tế - xã hội toàn diện, đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong phương thức tổ chức sản xuất và phân phối (Henriette, 2015). Quá trình này đòi hỏi sự đồng bộ khắt khe giữa hạ tầng công nghệ thông tin, năng lực điều hành của các cơ quan quản lý thể chế và đặc biệt là sự chuyển dịch mạnh mẽ về tư duy, kỹ năng cũng như nhận thức của các chủ thể sản xuất trực tiếp trong cộng đồng dân cư nông thôn (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020). Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại các quốc gia đang phát triển nói chung và khu vực nông thôn Việt Nam nói riêng cho thấy sự tồn tại rõ nét của hiện tượng khoảng cách số (digital divide). Tại các địa bàn nông thôn, miền núi, các nông hộ quy mô nhỏ và các hợp tác xã thường gặp phải những rào cản khi tiếp cận và khai thác các nền tảng thương mại điện tử. Những rào cản này xuất phát từ nguồn lực tài chính hạn hẹp, sự thiếu hụt lực lượng hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu tại cơ sở, cũng như sự vắng bóng của các mô hình hướng dẫn thực hành sát sườn với nhu cầu thực tế của người dân (Klerkx, 2020). Khi công nghệ được áp dụng một cách rời rạc, thiếu sự đồng

(*) Bài viết là sản phẩm thuộc nhiệm vụ Khoa học cấp cơ sở do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì, ThS. Trương Thị Hiền Lương là chủ nhiệm nhiệm vụ "Chuyển đổi số trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk", theo Hợp đồng số 20/HĐKH-VTBTN ngày 17 tháng 3 năm 2026.

Email: hienluong39ptnt@gmail.com

hành và dẫn dắt, người nông dân dễ rơi vào trạng thái lúng túng, e dè và không thể khai thác hiệu quả các kênh phân phối hiện đại.

Tỉnh Đắk Lắk giữ vị trí chiến lược vô cùng quan trọng là trung tâm kinh tế, chính trị và nông nghiệp của vùng Tây Nguyên, sở hữu lợi thế tuyệt đối về diện tích đất bazan màu mỡ và sản lượng nông sản hàng hóa quy mô lớn. Thống kê khoa học cho thấy toàn tỉnh hiện có 383.915 ha diện tích trồng cây lâu năm, bao gồm các mặt hàng nông sản chủ lực có giá trị xuất khẩu quy mô lớn hàng đầu cả nước như cà phê với diện tích 217.654 ha, sầu riêng với 41.821 ha và hồ tiêu với 28.804 ha (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2026a). Song song với lợi thế về vùng nguyên liệu, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư và phát triển đồng bộ, với 100% thôn, buôn được kết nối mạng Internet băng rộng cáp quang, tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 4G đạt tới 99,9% dân số và tốc độ truy cập băng rộng di động trung bình đạt mức 390 Mbps (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2026). Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành hệ thống các chủ trương, nghị quyết và đề án chuyên đề nhằm thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình phát triển kinh tế số, xã hội số và ứng dụng thương mại điện tử trong nông nghiệp. Mặc dù vậy, thực tiễn sản xuất và tiêu thụ nông sản tại Đắk Lắk lại cho thấy phần lớn khối lượng nông sản hàng hóa của tỉnh vẫn đang phụ thuộc vào các kênh tiêu thụ truyền thống, qua hệ thống thương lái trung gian; trong khi năng lực tự chủ ứng dụng công nghệ số của các nông hộ vào việc quảng bá hình ảnh, tổ chức livestream bán hàng, quản lý đơn hàng điện tử hay minh bạch hóa mã số truy xuất nguồn gốc vẫn còn rất nhiều hạn chế và bất cập. Nhằm cung cấp những luận cứ khoa học thực phục vụ cho công tác hoạch định chính sách và giải pháp phát triển địa phương, nghiên cứu này tập trung đi sâu phân tích các rào cản xã hội và kỹ thuật, đồng thời đánh giá khách quan các mô hình đồng hành tiêu thụ nông sản số điển hình được ghi nhận trên địa bàn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về chuyển đổi số nông nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp không đơn thuần là việc đưa các thiết bị công nghệ hiện đại vào khâu canh tác mà nó là một quá trình chuyển đổi toàn diện, sâu sắc phương thức quản lý, vận hành và phân phối sản phẩm dựa trên nền tảng dữ liệu số và các hệ thống kết nối trực tuyến (Henriette, 2015). Đặt dưới góc nhìn của kinh tế học thể chế và xã hội học phát triển, quá trình tiếp nhận và ứng dụng công nghệ mới của các chủ thể kinh tế nông hộ luôn chịu sự chi phối mạnh mẽ của cấu trúc năm nhóm yếu tố cốt lõi: 1) Năng lực nhận thức và kỹ năng số của bản thân chủ thể; 2) Mức độ tiếp cận hạ tầng viễn thông và công cụ kỹ thuật; 3) Hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính từ nhà nước; 4) Sự phát triển đồng bộ của thị trường dịch vụ logistics; 5) Mức độ liên kết chặt chẽ trong toàn bộ chuỗi giá trị nông sản từ khâu sản xuất đến phân phối tiêu thụ (Popescu, 2022).

Trong cấu trúc chuỗi giá trị đó, khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đóng vai trò quyết định trực tiếp đến chu kỳ quay vòng vốn, hiệu quả sản xuất và mức thu nhập thực tế của người nông dân. Khác biệt căn bản với các loại hàng hóa công nghiệp vô cơ, nông sản mang những đặc tính sinh học đặc thù như có độ tươi sống cao, tính mùa vụ khắc nghiệt, rất dễ bị hao hụt, hư hỏng và phụ thuộc nghiêm trọng vào điều kiện bảo quản trong không gian và thời gian. Do đó, việc ứng dụng các phương thức kinh doanh số như mạng xã hội, các sàn thương mại điện tử, công cụ livestream tương tác hay hệ thống mã truy xuất nguồn gốc điện tử đòi hỏi người sản xuất không chỉ sở hữu thiết bị thông minh hay đường truyền Internet mà còn phải có năng lực quản trị và vận hành chuỗi cung ứng số (Rejeb, 2021). Nếu thiếu vắng sự hỗ trợ đồng bộ, kịp thời về kỹ năng thực hành, thiếu cơ chế liên kết chuỗi và hạ tầng hậu cần tương thích, quá trình số hóa rất dễ rơi vào tình trạng hình thức, tốn kém chi phí nhưng kém hiệu quả.

2.2. Về rào cản chuyển đổi số tiêu thụ nông sản tại tỉnh Đắk Lắk

Kết quả tổng hợp dữ liệu khảo sát 100 chủ thể sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy thực trạng ứng dụng công nghệ số. Trong đó, khi được hỏi về những khó khăn lớn nhất gặp phải trong quá trình chuyển đổi số tiêu thụ sản phẩm, các ý kiến tập trung rất cao vào vấn đề nhân lực hướng dẫn và kỹ năng thực hành (bảng 1).

Bảng 1: Một số khó khăn, rào cản khi chuyển đổi số trong tiêu thụ nông sản

Nhóm khó khăn, rào cản	Số lượt lựa chọn (n = 100)	Tỷ lệ (%)
Không có người hướng dẫn	98	98,0
Không có kỹ năng chuyển đổi số	20	20,0
Khó khăn khác	10	10,0

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả (tháng 6/2026).

Số liệu tại bảng 1 phản ánh một thực tế: tỷ lệ đối tượng khảo sát tự đánh giá bản thân "không có kỹ năng chuyển đổi số" chỉ chiếm một tỷ lệ khiêm tốn là 20,0%, trong khi tỷ lệ phản ánh "không có người hướng dẫn" lại lên tới mức 98,0%. Khoảng cách chênh lệch này có thể cho thấy lực lượng sản xuất nông nghiệp tại Đắk Lắk không hoàn toàn xa lạ hay thiếu hụt nhận thức cơ bản về công nghệ thông tin. Nhờ sự phổ cập sâu rộng của điện thoại thông minh cùng các ứng dụng mạng xã hội thông thường, phần lớn người dân địa phương đã có sẵn năng lực thao tác thiết bị cơ bản. Tuy nhiên, khi phải chuyển đổi mục đích sử dụng sang lĩnh vực thương mại nông sản chuyên nghiệp, họ lại rơi vào trạng thái lúng túng do thiếu vắng các tài liệu hướng dẫn chuẩn hóa, thiếu các quy trình thao tác nghiệp vụ cụ thể và đặc biệt là sự hỗ trợ, kèm cặp trực tiếp từ đội ngũ chuyên gia hoặc cán bộ kỹ thuật chuyên môn tại cơ sở. Việc thiếu đi người "cầm tay chỉ việc" đã biến công nghệ từ chỗ là một công cụ hỗ trợ kinh tế trở thành một rào cản, khiến người nông dân cảm thấy e dè khi phải tự mình thiết lập gian hàng điện tử hay tự xử lý các đơn hàng trực tuyến.

Vì vậy, để nhìn nhận toàn diện hơn về nguyên nhân dẫn đến sự thiếu hụt này, nghiên cứu tiến hành phân tích mức độ tiếp cận các chương trình tập huấn và thái độ sẵn sàng của các chủ thể khảo sát (bảng 2).

Bảng 2: Mức độ tiếp cận tập huấn và sự sẵn sàng chuyển đổi số của các chủ thể

Tiêu chí khảo sát	Phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1. Mức độ tiếp cận tập huấn về chuyển đổi số	Đã từng tham gia tập huấn	26	26,0
	Chưa từng tham gia tập huấn	74	74,0
2. Mức độ sẵn sàng tiếp tục chuyển đổi số	Rất sẵn sàng	49	49,0
	Chưa quan tâm	51	51,0
Tổng số mẫu khảo sát	**Tổng cộng**	**100**	**100,0**

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả (tháng 6/2026).

Số liệu định lượng tại bảng 2 cho thấy, có tới 74,0% tổng số chủ thể sản xuất kinh doanh nông nghiệp chưa từng được tham gia bất kỳ một lớp tập huấn hay chương trình bồi dưỡng kiến thức nào về chuyển đổi số, trong khi tỷ lệ đã từng được tiếp cận hỗ trợ chỉ ở mức 26,0%. Mặc dù trong những năm qua, hệ thống chính quyền tỉnh Đắk Lắk đã ban hành nhiều kế hoạch và chương trình hành động hỗ trợ nhưng do nguồn lực ngân sách còn nhiều hạn chế trong khi diện tích địa bàn tỉnh quá rộng lớn, các lớp tập huấn mang tính chính quy tập trung vẫn chưa thể vươn tới đại đa số các nông hộ. Điều này tạo ra một khoảng trống lớn về đào tạo kỹ năng tại cơ sở. Tuy nhiên, tâm thế của người dân rất tích cực: có tới 49,0% chủ thể bày tỏ thái độ "rất sẵn sàng" tiếp tục ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và tiêu thụ nông sản. Khi đặt con số 49,0% này cạnh tỷ lệ 74,0% chưa từng được tập huấn, có thể khẳng định dư địa và nhu cầu chuyển đổi số trong nhân dân là rất lớn nhưng chưa được khơi thông đúng mức do thiếu các chính sách hỗ trợ tiếp cận thực tế. Nhóm 51,0% còn lại tỏ ra "chưa quan tâm" chủ yếu xuất phát từ sự thiếu niềm tin, thiếu thông tin và tâm lý e ngại rủi ro khi phải tự xoay xở trên không gian mạng mà không có người đồng hành.

2.3. Nhận diện một số mô hình đồng hành và phát triển nhân lực số tại tỉnh Đắk Lắk

Tỉnh Đắk Lắk đã chủ động triển khai nhiều mô hình xúc tiến thương mại số mang tính đột phá cao. Các mô hình này đã trực tiếp giải quyết bài toán đồng hành và tháo gỡ khó khăn thực tế cho người dân từ chính cấp cơ sở, thể hiện rõ nét trên các phương diện trọng tâm sau:

2.3.1. Triển khai thành công mô hình "Mỗi xã một KOL, KOC bán sầu riêng online" gắn liền với chiến lược phát triển nhân lực số cộng đồng

Nằm trong khuôn khổ các hoạt động của Lễ hội Sầu riêng Đắk Lắk năm 2026, chương trình này được định vị là một điểm nhấn sáng tạo mang tính bước ngoặt trong công tác xúc tiến thương mại nông sản địa phương. Thay vì chỉ phó mặc và phụ thuộc vào các chuyên gia truyền thông hay công ty quảng cáo chuyên nghiệp từ các đô thị lớn bên ngoài, chương trình đã huy động huy động nhân sự tại chỗ bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng đoàn viên thanh niên nhiệt huyết, các doanh nghiệp trẻ và chính những người nông dân am hiểu sâu sắc nhất về sản phẩm tham gia trực tiếp vào các buổi phát sóng livestream. Mô hình này đã thiết lập thành công cơ chế truyền nghề trực tiếp: cán bộ và thanh niên cơ sở từng bước trở thành những hạt nhân thương mại điện tử nòng cốt, trực tiếp làm mẫu, cầm tay chỉ việc hướng dẫn từng bước cho bà con nông dân cách thức quay dựng video ngắn, thiết lập gian hàng số và thao tác chốt đơn hàng trên các nền tảng mạng xã hội.

2.3.2. Phát huy mạnh mẽ vai trò kiến tạo, bảo chứng uy tín của đội ngũ lãnh đạo chính quyền cơ sở

Sự dấn thân và tham gia trực tiếp của lãnh đạo các huyện, xã vào các phiên phát sóng bán hàng trực tiếp đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa xã hội vô cùng mạnh mẽ, giúp giải tỏa hoàn toàn tâm lý e ngại công nghệ của người dân, đồng thời củng cố niềm tin tuyệt đối cho người tiêu dùng cả nước. Hiệu quả kinh tế thực tiễn từ mô hình này đã được minh chứng vô cùng rõ nét tại các địa bàn trọng điểm: tại huyện Krông Năng cũ, địa phương đã tổ chức bài bản 8 phiên livestream thu hút hơn 1,4 triệu lượt tiếp cận, chốt thành công 6.663 đơn hàng, tiêu thụ khoảng 32,8 tấn sầu riêng cùng nhiều sản phẩm OCOP, mang lại doanh thu 3,224 tỷ đồng; tại xã Cư M'Gar, phiên livestream đã kết nối chốt thành công 100 tấn sản phẩm với tổng giá trị giao dịch đạt khoảng 6 tỷ đồng; đặc biệt tại xã Ea Knuếc, phiên livestream đạt hơn 1,1 triệu lượt xem trực tuyến, ngoài việc chốt hơn 100 đơn hàng bán lẻ đã xuất sắc kết nối ký kết thành công đơn hàng xuất khẩu thương mại lớn với đối tác Trung Quốc quy mô 6 container sầu riêng, tương đương khoảng 108 tấn nông sản (Báo Công thương điện tử, 2026).

2.3.3. Cung ứng giải pháp logistics trọn gói tháo gỡ điểm nghẽn giao vận nông sản

Sự đồng hành của Viettel Post Đắk Lắk trong việc cung ứng gói logistics chuyên biệt cho sầu riêng (cước phí ưu đãi đồng giá 30.000 đồng cho 5 kg đầu tiên và cộng thêm 5.000 đồng cho mỗi kilôgam tiếp theo; tối ưu thời gian giao hàng trong ngày đối với nội tỉnh, từ 2 - 3 ngày đến khu vực miền Trung, miền Nam và 4 - 5 ngày đến các tỉnh phía Bắc; hỗ trợ thu gom tận vườn, đóng gói, quản lý đơn hàng qua ứng dụng và đối soát COD) đã giúp người nông dân giải tỏa nỗi lo về chi phí và chất lượng bảo quản khi tham gia thương mại điện tử (Báo Công thương điện tử, 2026).

2.4. Đề xuất các giải pháp tháo gỡ rào cản và thúc đẩy chuyển đổi số tiêu thụ nông sản

Dựa trên cơ sở về thực trạng rào cản từ kết quả khảo sát định lượng (98,0% thiếu người hướng dẫn; 74,0% chưa từng tập huấn) cùng những bài học kinh nghiệm thực tiễn từ các mô hình đồng hành trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu đề xuất 4 nhóm giải pháp chiến lược trọng tâm nhằm thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình chuyển đổi số trong tiêu thụ nông sản tại tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn tới như sau:

2.4.1. Đổi mới căn bản và toàn diện phương thức tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng số theo hướng thực hành "cầm tay chỉ việc"

Các cơ quan quản lý nhà nước, cấp hội đoàn thể cần chuyển dịch trọng tâm công tác tập huấn từ việc phổ biến kiến thức lý thuyết chung chung sang việc xây dựng và triển khai mô hình đào tạo thực chiến ngay tại thực địa nhà vườn, hợp tác xã hoặc tại các điểm bưu điện văn hóa xã. Nội dung chương trình tập huấn phải tập trung bám sát kỹ năng nghiệp vụ thiết thực bao gồm: kỹ năng quay phim, chụp ảnh sản phẩm trực quan; kỹ năng biên tập nội dung quảng cáo thu hút (content marketing); quy trình vận hành gian hàng điện tử; kỹ thuật điều hành các phiên livestream bán hàng chuyên nghiệp và phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Việc gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên chính nông sản của học viên sẽ giúp tháo gỡ triệt để tâm lý bỡ ngỡ ban đầu, giúp người nông dân làm chủ hoàn toàn các thao tác kỹ thuật.

2.4.2. Thể chế hóa và duy trì hoạt động bền vững của mạng lưới "Nông dân số", "KOL, KOC địa phương"

Tỉnh cần khẩn trương quán triệt và triển khai có hiệu quả Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp, tập trung hình thành lực lượng nông dân số chuyên nghiệp giai đoạn 2026-2030. Cần có cơ chế tuyển chọn, bồi dưỡng cho đội ngũ KOL, KOC nông sản bản địa, đồng thời lồng ghép chặt chẽ lực lượng này vào cơ chế hoạt động của hệ thống Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn. Đội ngũ này sẽ đóng vai trò là những cánh tay nối dài, là cầu nối kỹ thuật thường trực, sẵn sàng hỗ trợ, tư vấn và giải quyết kịp thời mọi vướng mắc phát sinh hằng ngày cho các hộ sản xuất nhỏ lẻ ngay tại địa bàn dân cư.

2.4.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò bảo chứng uy tín của hệ thống chính quyền cơ sở gắn liền với công tác quản trị chất lượng nông sản số

Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp cần tiếp tục duy trì tinh thần dấn thân, đồng hành cùng người dân trong các chiến dịch xúc tiến thương mại số; song song với đó phải siết chặt công tác quản lý mã số vùng trồng, kiểm soát nghiêm ngặt nhật ký canh tác điện tử và minh bạch hóa toàn bộ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Rejeb, 2021). Việc xây dựng một hệ sinh thái thông tin minh bạch dưới sự bảo chứng pháp lý và uy tín của nhà nước sẽ tạo ra lớp "giáp bảo vệ" vững chắc, giúp củng cố niềm tin của người tiêu dùng cả nước đối với thương hiệu nông sản Đắk Lắk trên không gian mạng.

2.4.4. Nhân rộng mô hình liên kết hạ tầng hậu cần (Logistics) chuyên biệt tận vườn

Cần thúc đẩy mạnh mẽ việc ký kết các thỏa thuận hợp tác chiến lược dài hạn giữa các hợp tác xã nông nghiệp với các tập đoàn bưu chính, vận tải lớn nhằm thiết kế và cung ứng các gói dịch vụ logistics trọn gói tích hợp công nghệ cao. Các gói dịch vụ này phải bao gồm đầy đủ các khâu từ thu gom tận vườn, đóng gói chuẩn quy cách, bảo quản lạnh thông minh, vận chuyển nhanh chóng đến việc tích hợp phần mềm quản lý đơn hàng và đối soát dòng tiền thu hộ (COD) tự động. Việc hoàn thiện đồng bộ hạ tầng hậu cần sẽ giúp giải quyết triệt để bài toán chi phí và chất lượng nông sản, tạo sức bật mạnh mẽ cho thương mại điện tử địa phương.

3. Kết luận

Chuyển đổi số trong tiêu thụ nông sản là giải pháp quan trọng nhằm mở rộng thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và hỗ trợ người dân phát triển sinh kế bền vững. Kết quả khảo sát và thực tiễn triển khai tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy hiệu quả số hóa khâu tiêu thụ không chỉ phụ thuộc vào điều kiện hạ tầng hay kỹ năng cá nhân mà quyết định chủ yếu bởi sự đồng hành hướng dẫn trực tiếp ở cơ sở, mức độ tiếp cận tập huấn thực hành và năng lực kết nối dịch vụ hậu cần giao vận. Đối với tỉnh Đắk Lắk, những kinh nghiệm từ mô hình xúc tiến thương mại số gắn với cộng đồng địa phương có giá trị thực tiễn rõ nét trong việc tháo gỡ điểm nghẽn đầu ra cho nông sản. Đổi mới công tác tập huấn theo hướng "cầm tay chỉ việc", phát triển mạng lưới nhân lực thương mại điện tử cấp xã, phát huy vai trò bảo chứng của chính quyền cơ sở và nhân rộng gói logistics chuyên biệt tận vườn nên được triển khai đồng bộ. Qua đó, chuyển đổi số không chỉ tháo gỡ rào cản kỹ thuật trước mắt mà còn góp phần hình thành phương thức thương mại nông sản hiện đại, minh bạch và bền vững trên địa bàn tỉnh.

Tài liệu tham khảo

Báo Công thương điện tử (2026). *Đắk Lắk đẩy mạnh tiêu thụ sầu riêng và nông sản chủ lực qua các phiên livestream kết nối thị trường trong nước và quốc tế.*

Bộ Thông tin và Truyền thông (2020). *Cẩm nang chuyển đổi số*. NXB Thông tin và Truyền thông.

Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk (2026). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025*.

Henriette, E. (2015). The shape of digital transformation: A systematic literature review. *MCIS 2015 Proceedings,* 10, 431-443.

Klerkx, L. (2020). Dealing with the game-changing technologies of Agriculture 4.0: How do we manage diversity and responsibility in food system transition pathways? *Global Food Security,* 24, 100347.

Popescu, D. (2022). E-commerce and digital marketing in agri-food sector: Emerging trends and challenges. *Sustainability, 14*(3), 1205.

Rejeb, A. (2021). Blockchain technology in agriculture: A systematic literature review. *Computers and Electronics in Agriculture,* 189, 106440.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2025). *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đề xuất nội dung, giải pháp giai đoạn 2026-2030.*